

UBND PHƯỜNG HỒNG AN
TRƯỜNG MẦM NON AN HƯNG

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC-LỚP 3C3

Năm học 2025-2026

I. MỤC TIÊU NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC

[illegible]

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)			
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)		
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5		
13	có thể qua các bài tập vận động phát triển các nhóm cơ và hô hấp tại nơi trẻ nằm và ngay sau khi trẻ ngủ trưa dậy												x						1			
2															x							1
14																x						1
15																x						1
16																		x				1
17																					x	
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động							13	17	25	.	.	.	.	.		.	.	.	.	.		
* Vận động: đi							3	4	6	.	.	.	.	.		.	.	.	.	.		
18	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi kiễng gót liên tục 3m	KQMĐ		Đi kiễng gót liên tục 3m	NDCT			1	1					x					1			
19	Kiểm soát được vận động đi thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh khoảng 3-4 lần	KQMĐ		Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	NDCT				1			x							1			
20	Kiểm soát được vận động đi liên tục trong đường zíc zắc (rộng 30-35cm, có 3-4 điểm zíc zắc,khoảng cách giữa các điểm zíc zắc là 2m) không chệch ra ngoài	NDCT		Đi thay đổi hướng theo 3-4 điểm zíc zắc	NDCT		1	1	1		x								1			
21	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi trong đường hẹp 3m x 0,2m	KQMĐ		Đi trong đường hẹp 3m x 0,2m	NDCT		1	1	1	x									1			
22	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	KQMĐ		Đi trong đường hẹp 3m x 0,2m, đầu đội túi cát	TLHD		1	1	1				x						1			

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)	
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5
23	đi trong đường hẹp 3m x 0,2m, đầu đội túi cát								1								x		1	
* Vận động: chạy							1	1	2	.	.	.	.	.		.	.	.	.	.
24	Kiểm soát được vận động khi chạy thay đổi tốc độ 2-3 lần theo đúng hiệu lệnh	KQMĐ		Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	NDCT						x								1	
25	Kiểm soát được vận động chạy liên tục trong đường rộng 50cm, có 3-4 điểm zíc zắc (khoảng cách giữa các điểm zíc zắc 2-2,5m)không chệch ra ngoài	KQMĐ		Chạy thay đổi hướng theo 3-4 điểm zíc zắc	NDCT				1				x						1	
26	Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng	KQMĐ		Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng	KQMĐ		1	1	1			x							1	
* Vận động: bò, trườn, trèo							2	3	4	.	.	.	.	.		.	.	.	.	.
27	Bò/trườn theo hướng thẳng trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài	KQMĐ		Bò/trườn theo hướng thẳng trong đường hẹp (3m x 0,4m)	KQMĐ		1	1	1		x								1	
28	Bò theo đường zíc zắc (rộng 50cm, có 3-4 điểm zíc zắc, mỗi điểm cách nhau 2,5m) không chệch ra ngoài	NDCT		Bò theo đường zíc zắc (rộng 50cm, có 3-4 điểm zíc zắc, mỗi điểm cách nhau 2,5m)	TLHD			1	1			x							1	
29	Bò chui qua cổng (cao 40cm, rộng 40cm) không chạm cổng	NDCT		Bò chui qua cổng (cao 40cm, rộng 40cm)	TLHD				1	x									1	
30	Giữ được thăng bằng khi bước lên, xuống bậc cao 30cm	NDCT		Bước lên, xuống bậc cao 30cm	NDCT		1	1	1			x							1	

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)	QH- BH (2T)		
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5	12/5- 23/5		
42	Ném xa bằng 2 tay về phía trước theo khả năng	TLHD		Ném xa bằng 2 tay	TLHD		1	1	1				x						1	
43	Biết phối hợp chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang nhịp nhàng	NDCT		Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang	NDCT				1					x					1	
44	Biết tung bóng lên cao bằng 2 tay	TLHD		Tung bóng lên cao	TLHD					x									1	
45	Biết phối hợp chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc nhịp nhàng	NDCT		Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc	NDCT												x		1	
46	Phối hợp tay mắt nhịp nhàng, khéo léo khi lăn bóng với cô xa 2,5m	NDCT		Lăn bóng với cô	NDCT		1	1	1		x								1	
47	<i>Phối hợp tay mắt nhịp nhàng, khéo léo khi lăn bóng vào gôn xa 2,5 - 3m</i>	<i>ĐP</i>		<i>Lăn bóng vào gôn</i>	<i>ĐP</i>									x					1	
* Vận động: bật, nhảy							2	3	4	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.
48	Bật nhảy tại chỗ 3-5 lần liên tiếp đúng kỹ thuật	TLHD		Bật nhảy tại chỗ	NDCT				1	x									1	
49	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động bật tiến về phía trước	NDCT		Bật tiến về phía trước	NDCT			1	1						x				1	
50	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động bật xa 25 cm	NDCT		Bật xa 25-30 cm	NDCT		1	1	1			x							1	
51	<i>Giữ được thăng bằng cơ thể khi bật nhảy qua dây cao 8-10cm</i>	<i>TLHD</i>		<i>Bật nhảy qua dây</i>	<i>TLHD</i>	x	1	1	1					x					1	

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)	
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)	QH- BH (2T)			
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5	12/5- 23/5			
* Trẻ thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo khi thực hiện các bài tập tổng hợp							1	1	2	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.		
52	Trẻ thể hiện sức mạnh, sự khéo léo và khả năng phối hợp nhịp nhàng khi thực hiện bài tập Bật xa 25cm - Ném trúng đích ngang	TLHD		Bật xa 25cm - Ném trúng đích ngang	TLHD													x	1		
53	Trẻ thể hiện sự khéo léo và khả năng phối hợp nhịp nhàng khi thực hiện bài tập Bò theo hướng thẳng, tung bắt bóng với cô	TLHD		Bò theo hướng thẳng, tung bắt bóng với cô	TLHD														x	1	
54	Trẻ thể hiện sức bền và khả năng phối hợp nhịp nhàng khi thực hiện bài tập Chạy chậm 60-80m, bật tiến về phía trước	TLHD		Chạy chậm 60-80m, bật tiến về phía trước	TLHD	x												x		1	
55	Trẻ thể hiện sự khéo léo và khả năng phối hợp nhịp nhàng khi thực hiện bài tập Bò thấp, lăn bóng vào gôn	TLHD		Bò thấp, lăn bóng vào gôn	TLHD	x									x					1	
56	Trẻ thể hiện sự khéo léo và khả năng phối hợp nhịp nhàng khi thực hiện bài tập Nhảy qua dây, ném trúng đích thẳng đứng	TLHD		Nhảy qua dây, ném trúng đích thẳng đứng	TLHD	x				1						x				1	
* Trò chơi vận động										.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	
57		ĐP		Trò chơi vận động, trò chơi dân gian	ĐP	x					x									1	
58												x								1	

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)						
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)					
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5					
59	Thích chơi các trò chơi vận động, trò chơi dân gian. Biết luật chơi, cách chơi, phối hợp chơi với bạn vui vẻ																	1							
60															x						1				
61																	x				1				
62																					1				
63																					1				
64																					1				
65																						1			
66	Tăng cường khả năng vận động, giảm mệt mỏi cho trẻ qua các bài tập vận động đơn giản 3-4 phút.	ĐP		Phút thể dục(tổ chức sau những giờ học ít vận động)	ĐP	x												1							
67																				1					
68																				1					
69																				1					
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt							1	1	1	.	.	.	.	.	.	.	.	.							
75	Thực hiện được vận động luyện cơ tay: Vỗ tay, vỗ tay, co duỗi ngón tay, đan các ngón tay vào nhau, xoa hai lòng bàn tay vào nhau,..	KQMD		Luyện tay: Vỗ tay, vỗ tay, co duỗi ngón tay, đan các ngón tay vào nhau, xoa hai lòng bàn tay vào nhau,..	TLHD														1						
76																							1		
77	Sử dụng ngón tay, bàn tay để chơi các trò chơi dân gian như: Đồi chim, oẳn tù tì, làm bóng bằng tay,..	ĐP		Các trò chơi dân gian với tay	ĐP														1						
78																							x	1	
79	Có khả năng vẽ được hình tròn theo mẫu, vẽ tự do bằng bàn tay, ngón tay, phấn, bút to, vạch xung quanh hình, di màu	KQMD	A	Vẽ hình tròn theo mẫu, vẽ tự do bằng bàn tay, ngón tay, phấn, bút to, vạch xung quanh hình, di màu	KQMD														1						
80																								1	
81																								x	1
82																								x	1
83																								x	1
84																									x

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)	
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5
85	Biết dùng các ngón tay tập lật giờ sách truyện			Tập giờ sách						x									1	
86											x								1	
87	Biết cách cầm bút, sử dụng bút đúng cách (bằng 3 ngón tay: ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa)	ĐP		Cầm bút, sử dụng bút tô, vẽ	ĐP	x				x									1	
88										x								1		
89													x					1		
90																	x	1		
91	Bước đầu làm quen với việc tập sử dụng kéo cắt thẳng được một đoạn 10cm	KQMD	T	Cắt thẳng một đoạn 10cm	KQMD					x								1		
92										x							1			
93													x				1			
94																x	1			
95	Xếp chồng được 8-10 khối không đồ	KQMD		Xếp chồng các hình khối khác nhau	NDCT					x								1		
96										x						1				
97												x				1				
98														x		1				
99	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong hoạt động ghép, xếp hình	TLHD		Ghép, xếp hình	TLHD									x				1		
100										x							1			
101												x					1			
102																x	1			
103	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong hoạt động cuộn dây, luồn dây qua lỗ, tết dây 2 sợi	TLHD		Cuộn dây, luồn dây qua lỗ, tết dây 2 sợi	TLHD								x					1		
104															x			1		

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)		
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5		
105	Thể hiện sự khéo léo của bàn tay, các ngón tay qua hoạt động đóng mở nắp chai, lọ, hộp (có ren, không ren), đập, gõ, đóng bằng búa nhỏ	TLHD		Đóng mở nắp chai, lọ, hộp (có ren, không ren), đập, gõ, đóng bằng búa nhỏ	TLHD											x		1	
106																			
107	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong hoạt động chơi với cát nước, chơi với đất nặn: đổ cát, lấp đầy, đắp núi, rửa đồ chơi, in, đồ, nặn hình	TLHD		Chơi với cát nước, chơi với đất nặn: đổ cát, lấp đầy, đắp núi, rửa đồ chơi, in, đồ, nặn hình	TLHD					x								1	
108																			
109	Biết tự cởi/mặc quần áo có sự hỗ trợ của người lớn: cài/cởi khuy áo, cài/tháo thắt lưng, buộc dây, kéo khóa	KQMĐ		Tập cởi, mặc quần áo	NDCT		1	1	1				x					1	
200	Xé - dán giấy dài khoảng 10cm	NDCT		Xé - dán giấy	NDCT								x					1	
201	Biết vò giấy, gấp giấy theo đường vạch sẵn, gấp đôi, gấp chéo, gấp lộn	TLHD		Vò giấy, gấp giấy theo đường vạch sẵn, gấp đôi, gấp chéo, gấp lộn	TLHD							x						1	
202																	x		

[illegible]

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)	
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5
232	Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh, chấp nhận thử các thức ăn mới, ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, ăn hết suất	KQMĐ		Ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất	NDCT									x					1	
233	Trẻ nhận biết được sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	NDCT		Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	NDCT						x								1	
234	Bước đầu biết giữ vệ sinh trong ăn uống: ăn thức ăn đã nấu chín, uống nước sôi, ăn chậm, nhai kỹ, không làm rơi vãi thức ăn,...	TLHD		Giữ vệ sinh trong ăn uống	TLHD											x			1	
2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt							1	2	3	.	.	.	.	.		.	.	.	.	.
235	Bước đầu làm quen với các thao tác rửa tay bằng xà phòng. Biết rửa tay với sự giúp đỡ của người lớn	KQMĐ		Tập rửa tay bằng xà phòng	NDCT		1	1	1	x									1	
236	Bước đầu làm quen với các thao tác lau mặt. Biết lau mặt với sự giúp đỡ của người lớn	KQMĐ		Làm quen thao tác lau mặt	NDCT									x					1	
237																		x	1	
238	Biết súc miệng bằng nước muối			Tập súc miệng bằng nước muối						x									1	
239		KQMĐ			NDCT			1	1									x	1	
240	Biết lau miệng sau khi ăn			Lau miệng sau khi ăn,sau khi uống sữa							x								1	

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)		
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5		
255	hình thành ở trẻ thói quen tự phục vụ														x			1	
3. Hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt, giữ gìn sức khỏe							1	2	3	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.
256	Có một số thói quen sẽ sinh, hành vi văn minh trong ăn uống khi được nhắc nhở	KQMD		Mời cô, mời bạn khi ăn	KQMD			1	x									1	
257				Không kén chọn thức ăn, ăn hết suất	ĐP								x			1			
258		TLHD		Lựa chọn thực phẩm sạch, tươi ngon có lợi cho sức khỏe	TLHD							x					1		
259															x	1			
260	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	KQMD		Giữ vệ sinh thân thể	NDCT					x							1		
261				Đi vệ sinh đúng nơi quy định	ĐP	x						x					1		
262								1	1			x				1			
263							Giữ nguồn nước sạch, bỏ rác đúng nơi quy	ĐP		1	1	1					x		1
264	Có một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe	NDCT		Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe	NDCT								x			1			
265	Biết được ích lợi của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người	NDCT		Ich lợi của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người	NDCT											x	1		
266	Có khả năng nhận biết trang phục phù hợp với, ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết đối với sức khỏe, bước đầu tập mặc quần áo	NDCT		Nhận biết trang phục theo thời tiết, ích lợi của việc mặc trang phục	NDCT							x					1		
267					Tập mặc quần áo	TLHD										x		1	

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)		
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5		
269	Có khả năng nhận biết một số biểu hiện khi ốm (ho, sốt, đau bụng, đau đầu, đau răng), biết nói với người lớn và bước đầu biết cách phòng tránh	KQMĐ		Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, cách phòng tránh	NDCT						x							1	
270	Nhận biết được lợi ích của việc giữ gìn sức khỏe, giữ vệ sinh cá nhân và ăn uống đủ chất	NDCT		Ích lợi của việc giữ gìn sức khỏe, giữ vệ sinh cá nhân và ăn uống đủ chất	NDCT												x	1	
271	<i>Có một số kiến thức, kỹ năng cơ bản về phòng chống các dịch bệnh</i>			<i>Giữ vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường xung quanh, ăn uống, sinh hoạt điều độ để phòng chống dịch bệnh</i>	ĐP	x							x					1	
4. Nhận biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh							1	1	2	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.
272	Nhận biết và tránh xa một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở như bếp lửa, nước sôi, ổ cắm điện, dao, kéo, cơm canh nóng,...	KQMĐ		Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm	NDCT		1	1	1			x						1	
273	<i>Biết cách sử dụng các đồ vật có thể gây nguy hiểm như: kéo, bút chì, sấp màu, hạt hạt, que kem... trong các hoạt động</i>	ĐP		<i>Tập sử dụng các đồ vật có thể gây nguy hiểm</i>	ĐP	x							x					1	

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)		
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5		
274	Nhận biết phát hiện ra những chiếc ghế sắp gãy, thìa bát quá cũ,... không an toàn và báo cho người lớn	ĐP		Nhận biết một số vật dụng hỏng gây nguy hiểm và báo cho người lớn	ĐP	x										x		1	
275	Biết tránh những nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở (lan can cầu thang, bể nước, ao hồ, nhà vệ sinh trơn trượt,...)	KQMĐ		Nhận biết một số nơi nguy hiểm	NDCT							x						1	
276	Nhận biết một số hành động nguy hiểm, phòng tránh khi được nhắc nhở	KQMĐ		Biết không cười đùa khi ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt	KQMĐ					x								1	
277				Không tự lấy thuốc uống khi chưa được phép của người lớn	KQMĐ						x						1		
278				Không nghịch các vật sắc nhọn	ĐP						x						1		
279				Không ngâm hạt gạo, không trêu chọc chó mèo	KQMĐ								x				1		
280				Không được tự mình đến trường hoặc về nhà khi không được phép của người thân, cô giáo	ĐP											x		1	
281	Một số quy tắc an toàn đơn giản khi tham gia giao thông													x			1		

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)	
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5
282	Biết chơi ở nơi an toàn: Tránh nơi đông người và nơi đỗ xe hoặc nơi có nhiều xe cộ đi lại	TLHD		Nhận biết một số nơi vui chơi an toàn - không an toàn	ATGT	x			1						x				1	
283										x									1	
284	Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.	BC		Không đi theo và nhận quà của người lạ	ĐP						x								1	
285	Nhận biết được các dấu hiệu của bạo lực khi được hỏi	ĐP		Các dấu hiệu của bạo lực	PCXH	x							x						1	
286	Biết tránh và báo với người lớn khi bị xâm hại, bạo lực	ĐP		Phản ứng an toàn khi bị bạo lực	PCXH	x											x		1	
287	<i>Có khả năng nhận ra và không đến gần các vật gây cháy phổ biến: bếp lửa, ấm điện, diêm, bật lửa, bếp ga, nến, lò sưởi, xăng dầu, khí ga</i>	ĐP		<i>Có khả năng nhận ra các vật gây cháy phổ biến: bếp lửa, ấm điện, diêm, bật lửa, bếp ga, nến, lò sưởi</i>	ĐP	x						x							1	
288	<i>Nhận biết được lối thoát hiểm khi cháy nổ: Cửa chính, cửa phụ, cầu thang....</i>	ĐP		<i>lối thoát hiểm khi cháy nổ: Cửa chính, cửa phụ, cầu thang....</i>	ĐP									x					1	
289	<i>Trẻ biết tránh xa các nơi dễ gây cháy nổ: Bếp nấu, nhà ga...để đảm bảo an toàn</i>	ĐP		<i>Không đến gần khu vực nguy hiểm dễ gây cháy nổ: Bếp nấu, nhà xe...</i>	ĐP									x					1	

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)	QH- BH (2T)		
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5	12/5- 23/5		
290	Trẻ nhận biết một số hậu quả nguy hiểm do cháy nổ gây ra: Bỏng, thương tật, thiệt mạng....	ĐP		Hậu quả nguy hiểm do cháy nổ gây ra: Bỏng, thương tật, thiệt mạng....	ĐP											x			1	
291	Biết chơi các trò chơi an toàn phù hợp với lứa tuổi, biết giữ khoảng cách an toàn khi chơi với bạn bè và không tranh giành đồ chơi.	QTE		Chơi an toàn và lành mạnh	QTE									x					1	
5. Chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng							8	13	25	.	.	.	.	.		.	.	.	.	.
292				Bí quyết giúp trẻ thích ăn rau xanh				1	1	x									1	
293				Cách làm và sử dụng nước ép táo					1		x								1	
294				cách chế biến món cá hồi thịt lợn sốt cà chua															0	
295				Hướng dẫn làm món trứng hấp rau củ					1			x							1	
296				Cháo ngon dành cho bé				1	1				x						1	
297				Món ăn tăng cường rau xanh					1					x					1	
298				Hướng dẫn cách xử lý vết côn trùng cắn			1	1	1						x				1	
299				Hướng dẫn xử trí khi bị mèo chó cắn			1	1	1							x			1	
300				Kỹ năng ăn một số trái cây				1	1								x		1	

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)	
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5
301	Trẻ được chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng theo khoa học			Cách xử trí ban đầu khi bị gãy tay					1								x	1		
302				Hướng dẫn làm Ruốc tôm					1				x					1		
303				Hướng dẫn trẻ làm sinh tổ bơ					1					x				1		
304				Cách xử trí khi trẻ bị sốt co giật tại nhà			1	1	1			x						1		
305				Hướng dẫn trẻ nhận biết nhóm thực phẩm giàu chất bột đường														0		
306				Nhận biết nhóm thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng (trên tháp dinh dưỡng)					1	1				x				1		
307				Hướng dẫn làm Kimbap (Cơm cuộn)					1	x								1		
308				Cách nấu món cháo nấm tôm rau củ dành cho trẻ thừa cân- béo phì			1	1	1		x							1		
309				Lê chưng táo đỏ giải cảm, trị ho, tăng cường đề kháng			1	1	1					x				1		
310				Hướng dẫn cách sơ cứu khi trẻ bị bong gân					1	1						x			1	
311				Cách xử lý khi trẻ bị bong nước sôi			1	1	1						x				1	
312				Nhận biết món chè ngô			1	1	1								x		1	

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)				
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)			
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5			
5	Trẻ bắt đầu nhận biết các đặc điểm của cơ thể mình và những người xung quanh, học cách chấp nhận sự khác biệt như chiều cao, màu da, giới tính.	QTE		Chấp nhận bản thân và người khác	QTE						x								1				
6	Không tự ý chạm vào người khác mà không được phép, bước đầu hiểu khái niệm về không gian cá nhân.	QTE		Tôn trọng cơ thể của người khác	QTE	x						x								1			
2. Đồ vật:							1	2	2	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.		
* Đồ dùng, đồ chơi								1	1	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.		
7	Biết một số đặc điểm nổi bật và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	NDCT		Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi	NDCT					x										1			
8											x									1			
9								1	1			x									1		
10	Nhận biết một vài chất liệu của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc (gỗ, nhựa, kim loại)			Chất liệu của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc (gỗ, nhựa, kim loại)						x										1			
11												x									1		
12	Nhận biết, gọi tên một số sản phẩm nhựa dùng một lần như chai nhựa, ống hút, túi nylon, và biết chúng không tốt cho môi trường	KNSX		Nhận biết rác thải nhựa và tác hại của chúng	NDCT- STEAM	x											x			1			
13												x									1		
14																x						1	
15																	x					1	
16							S									x							

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)					
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)				
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5				
17	Trẻ biết phân loại rác thải nhựa và các loại rác khác nhau, bước đầu giáo dục trẻ về tái chế và tái sử dụng rác thải nhựa	KNSX	S	Phân biệt rác nhựa và rác khác	KNSX							x							1					
18			Tái chế và tái sử dụng rác thải nhựa									x					1							
19			Tái chế và tái sử dụng rác thải nhựa										x				1							
20			Tái chế và tái sử dụng rác thải nhựa											x			1							
* Phương tiện giao thông							1	1	1	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.				
21	Biết tên, đặc điểm, nơi hoạt động, công dụng của một số PTGT quen thuộc như ô tô, xe máy, xe đạp, tàu hoả, máy bay... phân nhóm PTGT theo một dấu hiệu	NDCT- STEAM	S	Tên, đặc điểm, nơi hoạt động, công dụng của một số PTGT quen thuộc và phân nhóm PTGT theo một dấu hiệu	NDCT- STEAM		1	1	1								x			1				
22																		x			1			
23	Nhận biết được tên gọi và ý nghĩa của một số tín hiệu đèn giao thông	ATGT		Làm quen với tín hiệu đèn giao thông (các tín hiệu và ý nghĩa)	ATGT													x			1			
24	Nhận biết được sự nguy hiểm/ hậu quả khi không tuân thủ quy định về giao thông.	ATGT		Những hậu quả/ sự nguy hiểm khi không thực hiện quy định về ATGT	ATGT														x			1		
25		ATGT		Nắm tay người lớn khi sang đường	ATGT										x								1	

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)	
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5
26	Bước đầu nhận biết một số quy định đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông: khi sang đường, khi ngồi trên xe đạp, xe máy	ATGT		Ngồi trên xe đạp, xe máy an toàn + Ngồi cho hai chân về hai bên, hai tay ôm người lái xe và đội mũ bảo hiểm đúng quy cách + Không ngồi trên đầu xe hoặc giỏ xe ; + Không được đứng trên xe. + Không ngồi ngược chiều của xe,... + Không đùa nghịch khi ngồi trên xe	ATGT					x								1		
27	Biết tác dụng của việc đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy, xe máy điện, xe đạp điện	ATGT		đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy, xe máy điện, xe đạp điện	ATGT						x								1	
3. Động vật và thực vật							1	2	3	.	.	.	.	.		.	.	.	.	.
28	Biết đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật quen thuộc	NDCT- STEAM		Nhận biết đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật quen thuộc	NDCT- STEAM		1	1	1						x				1	
29	Biết được mối liên hệ đơn giản giữa con vật quen thuộc với môi trường sống. Cách chăm sóc bảo vệ chúng	NDCT		Mối liên hệ đơn giản giữa con vật quen thuộc với môi trường sống. Cách chăm sóc bảo vệ chúng	NDCT										x				1	
30		NDCT		Nhận biết đặc điểm nổi bật và ích lợi của cây	NDCT			1	1					x					1	

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)	QH- BH (2T)		
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5	12/5- 23/5		
	Biết đặc điểm nổi bật và ích lợi của cây hoa quả quen thuộc			hoa quả quen thuộc													1			
																	1			
													x				1			
													x				1			
31	Biết được mối liên hệ đơn giản giữa cây cối quen thuộc với môi trường sống. Cách chăm sóc bảo vệ chúng	NDCT		Mối liên hệ đơn giản giữa cây cối quen thuộc với môi trường sống. Cách chăm sóc bảo vệ chúng	NDCT			1					x				1			
32	Biết cách chăm sóc và bảo vệ các con vật gần gũi	NDCT		Cách chăm sóc và bảo vệ các con vật gần gũi	NDCT									x			1			
4. Một số hiện tượng tự nhiên							2	2	2	.	.	.	.	.	.	.	.	.		
* Thời tiết, mùa							1	1	1	.	.	.	.	.	.	.	.	.		
33	Biết một số hiện tượng nắng mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sức khỏe, sinh hoạt của trẻ	NDCT- STEAM	S	Hiện tượng nắng mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sức khỏe, sinh hoạt của trẻ	NDCT- STEAM		1	1	1							x	1			
34	Có khả năng nhận biết một số biểu hiện của biến đổi	PCTT- BĐKH		Một số biểu hiện của biến đổi khí hậu: nắng nóng, mưa lớn kéo dài, giông lốc sét, mưa đá, rét đậm rét hại	PCTT- BĐKH								x				1			
35	khí hậu: nắng nóng, mưa lớn kéo dài, giông lốc sét, mưa đá, rét đậm rét hại,..								x									1		
36	Kể tên, nêu một vài thông tin đơn giản về một số dạng thiên tai do biến đổi	PCTT- BĐKH		Tên gọi, đặc điểm một số thiên tai do biến đổi khí hậu thường xảy ra	PCTT- BĐKH							x					1			

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)
										MN (4T)	BT (4T)	GĐ+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)		
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5		
37	khí hậu thường xảy ra nơi trẻ sống: Hạn hán, bão, lũ lụt,...			nơi trẻ sống													x	1	
38	Nhận biết nguyên nhân gây ra biến đổi khí hậu và ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu đến sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng	PCTT- BĐKH		Nguyên nhân gây ra và hậu quả của biến đổi khí hậu	PCTT- BĐKH				x									1	
* Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng									.	.	.	.	.		.	.	.	.	.
39	Biết một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm	NDCT		Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm	NDCT											x		1	
5. Con người với tài nguyên thiên nhiên							1	1	1	.	.	.	.	.		.	.	.	.
* Đất, nước, rừng, khoáng sản																			
40	Nhận biết được một vài đặc điểm, tính chất của đất	NDCT		Đặc điểm, tính chất của đất	NDCT												x	1	
41	Biết một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.	NDCT		Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày	NDCT		1	1	1								x		1
42	Biết được ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây	NDCT		Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây	NDCT												x		1
43	Có khả năng nhận biết một số nguyên nhân cơ bản gây ô nhiễm nước	BVMT		Một số nguyên nhân gây ô nhiễm nước	BVMT	x											x		1
* Không khí, ánh sáng										.	.	.	.	.		.	.	.	.

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)				
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)			
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5			
44	Nhận biết được một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày	NDCT		Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày	NDCT											x		1					
* Đá, cát, sỏi										.	.	.	.	.	.	.	.	.	.				
5. Trẻ tò mò, ham hiểu biết									.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.				
45	Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng	KQMD		Quan sát sự vật hiện tượng xung quanh, đặt các câu hỏi về đối tượng	KQMD												x	1					
46																				1			
47															x						1		
48											x										1		
49	Biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng	KQMD	S	Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đặc điểm nổi bật của đối tượng	KQMD					x								1					
50															x							1	
51																x						1	
52																	x					1	
53																		x				1	
54																			x			1	
55																				x		1	
56																					x	1	
57	Biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu đối tượng	KQMD		Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn	KQMD											x		1					
58															x						1		
59	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều có sự gợi mở của cô giáo: xem sách, tranh ảnh, trò chuyện về đối tượng										x							1					
60													x					1					
61										x								1					
62														x				1					
63		KQMD		Phân loại các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật	KQMD										x			1					

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)					
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)				
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5				
64	Biết phân loại các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật											x						1						
65																x				1				
66															x						1			
67																		x			1			
68	Nhận ra được một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng khi được hỏi	KQMD	S	Nhận ra mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng dưới sự gợi mở của cô giáo	KQMD								x					1						
69																x					1			
70	Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo	KQMD		Nêu dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo	KQMD											x		1						
71	Thể hiện 1 số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình,...	KQMD		Thể hiện hiểu biết về đối tượng	KQMD									x					1					
72																x						1		
6. Công nghệ							.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.					
73	Biết được nguyên tắc đảm bảo an toàn khi sử dụng các thiết bị công nghệ (An toàn về điện; Khoảng cách, tư thế ngồi; Thời gian sử dụng...)	ĐP		Nguyên tắc đảm bảo an toàn khi sử dụng điện(An toàn về điện; Khoảng cách, tư thế ngồi; Thời gian sử dụng...)	ĐP	x						x							1					
74	Biết cách sử dụng: Bật, tắt, di chuột, một số phím cơ bản...	ĐP		Cách sử dụng: Bật, tắt, di chuột, một số phím cơ bản...	ĐP	x						x							1					
75																		x				1		
76																	x						1	
77																			x					1

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)			
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)		
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5		
78																x			1			
79																		x	1			
B. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán									.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.		
1. Nhận biết tập hợp, số lượng, số thứ tự, đếm							6	7	11	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.		
80	Biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vệt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng	KQMĐ	M	Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vệt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng	KQMĐ													x	1			
81																					1	
82															x							1
83	Biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 2	KQMĐ		Đếm trên đối tượng trong phạm vi 1,2	NDCT				1	x										1		
84	Biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 3	KQMĐ		Đếm trên đối tượng trong phạm vi 3	NDCT			1	1		x									1		
85	Biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 4	KQMĐ		Đếm trên đối tượng trong phạm vi 4 và đếm theo khả năng	NDCT		1	1	1						x					1		
86	Biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	KQMĐ		Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng	NDCT				1						x					1		
87	Nhận biết, phân biệt được 1 và nhiều	NDCT		1 và nhiều	NDCT		1	1	1				x							1		

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)		
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5		
88	Có khả năng so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 3 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn			So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 3 bằng các cách khác nhau	NDCT				1			x						1	
89	Có khả năng so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 4 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn			So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 4 bằng các cách khác nhau	NDCT		1	1	1					x				1	
90	Có khả năng so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	KQMĐ		So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau	KQMĐ		1	1	1							x		1	
91	Biết gộp tách và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 3	KQMĐ		Gộp tách và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 3	NDCT				1				x					1	
92	Biết gộp tách và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 4			Gộp tách và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 4			1	1	1					x				1	
93	Biết gộp tách và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5	KQMĐ		gộp tách và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5	NDCT		1	1	1								x	1	

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)	
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5
2. Xếp tương ứng								1	1	.	.	.	.	.		.	.	.	.	.
94	Biết cách xếp tương ứng 1 - 1 giữa 2 nhóm đối tượng gần giống nhau	TLHD	M	Xếp tương ứng 1 - 1	NDCT						x								1	
95																			1	
96																			x	1
97	Biết tìm chọn 2 đối tượng gần giống nhau để ghép thành đôi: đôi giày, đôi dép, đôi găng tay, đôi đũa,...	TLHD		Ghép đôi 2 đối tượng	TLHD			1	1		x							1		
3. Sắp xếp theo quy tắc								1	1	.	.	.	.	.		.	.	.	.	.
98	Nhận ra được quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và tiếp tục thực hiện sao chép lại	KQMD	M	Xếp xen kẽ dạng ABAB							x								1	
99												x							1	
100					NDCT			1	1					x					1	
101										x								1		
4. So sánh, đo lường							2	2	3	.	.	.	.	.		.	.	.	.	.
102	Biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn / nhỏ hơn; bằng nhau	KQMD		So sánh 2 đối tượng về kích thước: to- nhỏ	NDCT		1	1	1				x						1	
103	Biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: dài hơn / ngắn hơn; bằng nhau	KQMD		So sánh 2 đối tượng về kích thước: dài - ngắn	NDCT				1						x				1	

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)	
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5
104	Biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: cao hơn / thấp hơn; bằng nhau	KQMĐ		So sánh 2 đối tượng về kích thước: cao - thấp	NDCT		1	1	1					x					1	
5. Hình dạng									2	.	.	.	.	.		.	.	.	.	.
105	Nhận dạng và gọi tên được các hình: hình vuông, hình chữ nhật	NDCT		Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình chữ nhật, và nhận dạng các hình đó trong thực tế	NDCT				1	x									1	
106	Nhận dạng và gọi tên được các hình: hình tròn, hình tam giác	NDCT		Nhận biết, gọi tên các hình: hình tam giác, hình tròn và nhận dạng các hình đó trong thực tế	NDCT				1			x							1	
107	Có khả năng nhận biết và gọi tên được các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế	NDCT	M	Ôn các hình cơ bản qua các trò chơi	NDCT											x			1	
108	Có khả năng sử dụng các hình hình học để lắp ghép	NDCT	M	Gọi tên các hình học								x							1	
109				Sử dụng các hình hình học để lắp ghép						x									1	
110																x		1		
111														x				1		
112					NDCT										x			1		
6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian							1	1	2	.	.	.	.	.		.	.	.	.	.

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)	
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5
113	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	NDCT		Nhận biết phía trên - phía dưới - phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân	NDCT				1		x								1	
114							1	1	1							x			1	
C. Khám phá xã hội							1	3	5	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng							1	1	2	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.
115	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	NDCT		Tên, tuổi, giới tính của bản thân	NDCT						x								1	
116	Nói được tên của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình và địa chỉ gia đình khi được hỏi	NDCT-STEAM	S	Tên của bố, mẹ các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình								x							1	
117	Nói được tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo khi được hỏi và trò chuyện	NDCT		Tên trường/lớp, mẫu giáo	NDCT					x									1	
118	Nói được tên các bạn, kể tên đồ dùng đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường khi được hỏi, trò chuyện	KQMD		Tên các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường	NDCT					x									1	
119	Trẻ bước đầu nhận thức về quyền của mình (quyền được chơi, được yêu thương,...) và học cách tôn trọng người khác.	QTE		Hiểu về quyền và bổn phận của mình, tôn trọng mọi người xung quanh	QTE							x							1	

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)		
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)	
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5	
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương									1	2	.	.	.	.	.	.	.	.	.		
120	Kể tên và nói được sản phẩm, ích lợi của một số nghề phổ biến, quen thuộc trong xã hội như: nghề dạy học, xây dựng, chăm sóc sức khỏe, nghề nông ... khi được hỏi, xem tranh	KQMD		Tên gọi, sản phẩm, ích lợi của một số nghề phổ biến	NDCT		1	1	1				x						1		
																			1		
								1				x								1	
121												x							1		
122	Nhận biết được tên gọi, nhiệm vụ của cảnh sát giao thông.	TLHD		Tên gọi, nhiệm vụ của cảnh sát giao thông	TLHD								x						1		
123	<i>Nhận biết được đặc điểm trang phục, một số công việc, ý nghĩa công việc của cảnh sát giao thông</i>	TLHD		<i>Đặc điểm trang phục, một số công việc, ý nghĩa công việc của cảnh sát giao thông</i>	TLHD								x						1		
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh									1	1	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	
124	Biết được Cờ Tổ quốc	NDCT	S	Cờ Tổ quốc	NDCT			1	1									x	1		
125	Biết được tên ngày lễ hội Tết trung thu	NDCT		Tên một số lễ hội gần gũi: qua xem tranh ảnh, trò chuyện, trải nghiệm thực tế	NDCT					x									1		
126	Kể được tên ngày lễ hội: Ngày Nhà giáo Việt Nam											x								1	
127	Kể được tên ngày Quố tế phụ nữ 8/3													x						1	
128	Biết được tên ngày hội Tết thiếu nhi 1/6																	x		1	
129	Biết được tên ngày Tết noel												x							1	
130	Biết được tên ngày Tết nguyên đán															x					1

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)		
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)	
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5	
131	Biết được tên một số lễ hội của địa phương qua trò chuyện, tranh ảnh: Lễ hội Đình Kinh Giao (15/11 ÂL), Lễ hội chùa Chiêu Tường (22/01 ÂL)	NDCT		Tên một số lễ hội của địa phương: Lễ hội Đình Kinh Giao, Lễ hội chùa Chiêu Tường	NDCT								x					1			
132																				1	
133	Kẻ được tên một vài danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của địa phương (Đình Kinh Giao, Nhà hát lớn, tượng nữ tướng Lê Chân, Bãi biển Đồ sơn, Cát Bà,...)	NDCT		Danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử ở địa phương	NDCT												x	1			
134	Trẻ có thể lập được kế hoạch và thực hiện dựa theo kế hoạch	TLHD	S	Lập kế hoạch hoạt động	ĐP	x						x							1		
135																	x				1
136																					
137	Trẻ có thể tưởng tượng và xây dựng được mẫu thiết kế	TLHD	S	Tưởng tượng thiết kế mẫu hoạt động	ĐP	x						x							1		
138																					1
139															x						1
140															x						1
141																	x				1
142																			x		1
143	Trẻ có thể đặt ra các tiêu	TLHD	S	đặt ra các tiêu chí để giải quyết vấn đề		X						x							1		
144																					

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)	
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5
145	chỉ đề giải quyết vấn đề															x		1		
146																		x		1
147	Trẻ có thể sử dụng một số thiết bị công nghệ để quan sát khám phá, tìm hiểu về đối tượng	TLHD	S	sử dụng một số thiết bị công nghệ để quan sát khám phá, tìm hiểu về đối tượng							x							1		
148													x							1
149															x					1
150																		x		1
151												x								1
III. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ							11	16	23	#	#	#	#	#		#	#	#	#	
A. Nghe hiểu lời nói							5	7	10	.	.	.	.	.		.	.	.	.	
1	Có khả năng nghe hiểu được các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc	NDCT		Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc	NDCT					x								1		
2														x						1
3	Có khả năng nghe hiểu và thực hiện được các hướng dẫn, yêu cầu đơn giản để hoàn thành nhiệm vụ	NDCT	A	Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản	NDCT								x					1		
4											x							1		
5																		x		
6	Có khả năng nghe hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả,...	KQMD		Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi	KQMD								x					1		
7																x		1		
8																		x		

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)		
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5		
28	<i>nói, sau đó phản hồi lại bằng lời nói hoặc hành động đơn giản.</i>	QTE		<i>phản hồi</i>	QTE										x			1	
29	Có khả năng nghe và nhận ra ngữ điệu thể hiện sắc thái biểu cảm của lời nói (vui, buồn, sợ hãi)	TLHD		Một số sắc thái biểu cảm của lời nói (vui, buồn, sợ hãi)	TLHD	x							x					1	
30	<i>Có khả năng nghe và phân biệt được các tiếng, từ gần giống nhau (tại-tay, gan-ngan, cà-gà,...)</i>	ĐP		<i>Nghe các tiếng, từ gần giống nhau</i>	ĐP	x								x				1	
31																	x	1	
32														x					1
B. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày							6	9	13	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.
33	Nói rõ các tiếng	KQMĐ		Phát âm các tiếng của Tiếng Việt	NDCT					x								1	
34											x							1	
35													x					1	
36														x				1	
37																x		1	
38																		x	1
39	Biết sử dụng các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	NDCT- STEA M	A	Sử dụng các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	NDCT- STEA M					x							1		
190													x				1		
40														x				1	
41	<i>Trẻ có thể sử dụng các hình thức khác nhau (lời nói, cử chỉ) để bày tỏ</i>		A	<i>Thể hiện mong muốn, nhu cầu, nguyện vọng</i>							x						1		
42														x				1	

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)	
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5
43	<i>mong muốn, nhu cầu, nguyên vọng, ý kiến của mình về một vấn đề nào đó</i>	<i>QTE</i>		<i>và ý kiến của bản thân bằng lời nói</i>	<i>QTE</i>												x	1		
44	Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim	KQMĐ		Kể lại sự việc đơn giản 1-2 tình tiết	NDCT							x							1	
45													x						1	
46															x				1	
47																		x	1	
48	Có khả năng đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao tục ngữ, hò vè phù hợp chủ đề thực hiện.	KQMĐ		Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè	NDCT		1	1	1	x									1	
										x									1	
49									1		x								1	
50									1								x		1	
51								1	1			x							1	
52								1	1				x						1	
53							1	1	1						x				1	
54							1	1	1					x					1	
55							1	1	1							x			1	
56			1										x	1						
57	Kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn	KQMĐ		Kể lại một vài tình tiết của chuyện đã được nghe	NDCT		1	1	1			x							1	
58												x							1	
59									1					x					1	
60		NDCT	E	Mô tả sự vật, tranh ảnh	NDCT			1	1			x						1		

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi		DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)			
									MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)		
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4			14/4- 09/5	12/5- 23/5	
61	Biết mô tả sự vật, tranh ảnh dưới sự giúp đỡ của người lớn			có sự giúp đỡ									x					1			
62														x					1		
63							1	1	1									x	1		
64	Bắt chước được giọng nói của nhân vật trong truyện	KQMD		Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên	NDCT				1							x		1			
65							1	1	1							x			1		
66	Biết đặt và trả lời các câu hỏi đơn giản : "Ai?"; "Cái gì?"; "Ở đâu?"; "Khi nào?"	NDCT- STEAM	A	Trả lời và đặt các câu hỏi	NDCT- STEAM					x								1			
67											x								1		
68												x							1		
69														x					1		
70																	x			1	
71	<i>Trẻ biết sử dụng các từ lễ phép đơn giản như “ạ”, “dạ”, “xin chào” khi giao tiếp với người lớn và bạn bè.</i>	QTE		<i>Tuân thủ các quy tắc đơn giản về văn hóa giao tiếp</i>	QTE						x							1			
72													x							1	
73																				x	1
74	Biết nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	KQMD		Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	NDCT					x								1			
75											x								1		
76																x				1	
77																		x		1	
C. Làm quen với việc đọc - viết										.	.	.	.	.	.	.	.	.	.		
78	Biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	KQMD		Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	NDCT							x						1			
79														x						1	

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)		
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)	
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5	
6	người, tôn trọng quyền của người khác			người khác	QTE												x	1			
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực							2	3	5	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.		
7	Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi	KQMD	A	Tham gia các trò chơi, hoạt động khác nhau	TLHD					x									1		
8													x							1	
9														x						1	
10															x					1	
11																	x				1
12	Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...)			Bỏ rác đúng nơi quy định												x			1		
13				Lau bàn ghế													x		1		
14				Xếp dọn đồ cùng đồ chơi						x									1		
15				Cắm hoa									x						1		
				Bóc trứng					1			x							1		
				Nhặt rau			1	1	1				x						1		
16				Đi tất, đeo găng tay				1	1					x						1	
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh							1	1	1	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.		
17	Biết nhận ra cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên và nguyên nhân gây ra cảm xúc đó	SEL		Nhận biết một số trạng thái cảm xúc và nguyên nhân gây ra cảm xúc đó.	SEL						x								1	Sửa theo nội dung giáo dục cảm xúc xã hội	

[illegible]

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)	
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5
25														x					1	
B. Phát triển kỹ năng xã hội							1	1	1	.	.	.	.	.		.	.	.	.	.
1. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội										.	.	.	.	.		.	.	.	.	.
26	Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ...	KQMD		Một số quy định ở lớp và gia đình	NDCT					x									1	
27											x								1	
28	<i>Trẻ chủ động chào hỏi, đáp lời khi được hỏi; nói lời cảm ơn, xin lỗi phù hợp với tình huống giao tiếp</i>	SEL		Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn)	NDCT						x								1	Sửa theo nội dung giáo dục cảm xúc xã hội
29													x						1	
30																	x			
31	Chú ý khi nghe cô và bạn nói	KQMD		Lắng nghe ý kiến của người khác	NDCT								x						1	
32																x			1	
33																			x	
34	<i>Chủ động tham gia vào hoạt động theo nhóm nhỏ, biết chia sẻ đồ chơi hoặc nguyên vật liệu khi chơi chung.</i>	SEL	A	<i>Chơi hòa thuận, chia sẻ đồ chơi, nguyên vật liệu với bạn</i>	SEL					x									1	Sửa theo nội dung giáo dục cảm xúc xã hội
35													x						1	
36															x				1	
37																	x		1	
37																				

[illegible]

[illegible]

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)		
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)	
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5	
68	<i>Biết bỏ rác đúng nơi quy định. Thích tham gia hoạt động thu gom các sản phẩm nhựa trong lớp và ngoài sân trường, tạo thói quen giữ gìn môi trường xanh sạch, bước đầu biết phân loại rác thải</i>	KNSX		Giữ gìn vệ sinh môi trường thu gom rác, bỏ rác đúng nơi quy định	NDCT				x									1			
69																x		1			
70							1	1	1				x							1	
71	Trẻ biết tắt vòi nước sau khi sử dụng, tắt đèn khi ra khỏi phòng. Bước đầu biết tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt	KNSX		Tiết kiệm điện nước							x							1			
72				Tiết kiệm nước									x			1					
73																x	1				
74	<i>Trẻ biết cách sử dụng cốc, hộp, và túi vải có thể tái sử dụng trong các hoạt động hàng ngày tại gia đình và lớp học, dưới sự hướng dẫn của giáo viên.</i>	KNSX		Tập thói quen không sử dụng đồ nhựa	KNSX	x					x							1			
75																x		1			
76	Trẻ có thể làm việc theo nhóm, chia sẻ ý tưởng và phối hợp với các bạn trong nhóm cùng thực hiện	TLHD +STEAM	A	làm việc theo nhóm, chia sẻ ý tưởng và phối hợp với các bạn trong nhóm cùng thực hiện	TLHD +STEAM	x					x							1			
77																x				1	
78																x					1
79																	x				1
80	Trẻ mạnh dạn, vui thích khi thực hiện các hoạt động theo hình thức cá nhân, theo nhóm	TLHD +STEAM	A	thực hiện các hoạt động theo hình thức cá nhân, theo nhóm	TLHD +STEAM	x				x								1			
81																				1	
82																	x				1
83																		x			1

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)			
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)		
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5		
V. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ							6	19	45	#	#	#	#	#		#	#	#	#	#		
A. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật							22	30	43	.	.	.	.	.		.	.	.	.	.		
1	Vui sướng, vỗ tay và nói lên cảm nhận của mình khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	KQMD		Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	NDCT											x			1			
2																x			1			
3	Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện	KQMD		Nghe bài hát, bản nhạc; nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; nghe kể chuyện	KQMD					x									1			
4																			1			
5															x						1	
6																x						1
7	Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng,...) của tác phẩm tạo hình	KQMD	A	Quan sát và nói lên cảm nhận về vẻ đẹp nổi bật của tác phẩm tạo hình	KQMD							x							1			
8																			x			1

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)			
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)		
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5		
B. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình							19	26	37	.	.	.	.	.	.	.	.	.				
9	Chú ý lắng nghe, hưởng ứng cảm xúc và nhận biết được sắc thái tình cảm, những hình ảnh đẹp được thể hiện qua lời ca, âm điệu của bài hát, bản nhạc	NDCT		Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)	NDCT					x								1				
10																					1	
11																					1	
12																					1	
13																					1	
14																x					1	
14																					1	
16																						x
17	Biết hát tự nhiên, hát đúng theo giai điệu, lời ca bài hát quen thuộc.	KQMD		Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát	NDCT			1	2	x									1			
18																					1	
19							x	1	1			x									1	
20									1				x								1	
21								1	1					x							1	
22							1	1	1						x						1	
24							1	1	1							x					1	
25																		x			1	
26							1	1	1											x	1	
27		KQMD		Vận động minh họa	NDCT		1	1	1	x								1				
28								1	1		x								1			
29							1	1	1			x							1			
30													x						1			

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)		
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)	
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5	
44	Biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý	KQMĐ + STEAM	E	Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm	KQMĐ + STEAM					x								1			
																			1		
45																				1	
46																				1	
47																				1	
48																				1	
																				1	
																				1	
																				1	
																				1	
49																				1	
50																				1	
51																				1	
52														1							
53	Biết dùng bút dạ, bút sáp, tăm bông để tô màu hài hòa trong hình	KQMĐ		Sử dụng kỹ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm đơn giản	NDCT					x								1			
54	Biết dùng bút dạ, bút sáp, bút lông,màu nước để tô màu hài hòa trong hình									1		x								1	
55	Biết dùng bút dạ, bút sáp, tăm bông để tô màu hài hòa trong hình. Biết về các nét thẳng, nét cong, để tạo thành đường đi										1	1	1			x					1

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)					
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)				
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5				
63	Trẻ có thể xé dài, xé viền theo đường vẽ tạo thành tán lá cây, dán thành cây xanh																	1						
64	Biết nắm, véo, chia nhỏ đất, lăn tròn ấn bẹt để tạo thành cái vòng	KQMD		Sử dụng 1 số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản	NDCT		1	1	1	x									1					
65	Biết nắm, véo, chia nhỏ đất, lăn dọc, để tạo thành đôi đũa																	1						
66	Biết nắm, véo, chia nhỏ đất, lăn dọc, uốn cong để tạo thành cái vòng																		1					
67	Biết nắm, véo, chia nhỏ đất, lăn dọc, lăn tròn, uốn cong, tạo thành quả																			1				
68	Biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách, xếp bằng các hình, hột hạt... tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	ĐP	E	Sử dụng kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản	NDCT					x									1					
69																					1			
70																						1		
71																						1		
72																						1		
73																							1	
74	Biết sử dụng các khuôn in để in tạo ra sản phẩm theo hướng dẫn	ĐP		Sử dụng kỹ năng in để tạo ra sản phẩm đơn giản	ĐP	x		1	1						x					1				
75																						1		
76																							1	
77																							1	
78		ĐP	A	Sử dụng kỹ năng gấp	ĐP														1					

TT CD	Mục tiêu	Nguồn	STEAM	Nội dung	Nguồn	PT CT	MT-ND cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG								Cộng	Ghi chú về các điều chỉnh so với năm học trước (nếu có)	
										MN (4T)	BT (4T)	GD+ 20/1 1	NN (4T)	TV- T- MX	ĐV (4T)	GT (3T)	HTT N (4T)			QH- BH (2T)
							MD1	MD2	MD3	09/9- 04/1 0	07/1 0- 01/1	04/1 1- 06/1	09/1 2- 03/0	06/0 1- 21/0	24/0 2- 21/3	24/3- 11/4	14/4- 09/5			12/5- 23/5
98	Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	KQMD	A	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	KQMD								x					1		
99												x							1	
	Tổng số mục tiêu									68	71	78	70	88	72	67	67	61	0	
Trong đó: - Lĩnh vực thể chất										24	24	26	24	30	24	22	24	22		
- Lĩnh vực nhận thức										14	16	17	16	19	16	14	13	11		
- Lĩnh vực ngôn ngữ										10	10	12	10	13	11	12	11	11		
- Lĩnh vực tình cảm kỹ năng xã hội										7	8	9	8	10	8	8	8	9		
- Lĩnh vực thẩm mỹ										13	13	14	12	16	13	11	11	8		

II. DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM

TT	Chủ đề	Nhánh chủ đề		Số tuần	Thời gian thực hiện	Ghi chú về sự điều chỉnh
I	Học kì 1: 18 tuần (Từ 08/09/2025 đến hết 09/01/2026)					
1	Trường mầm non + Tết trung thu (4 tuần)	1	Lớp học vui vẻ	1	Từ 08/9 đến 13/9/2025	Nhánh mới
		2	Các bạn thân yêu của bé	1	Từ 15/9 đến 20/9/2025	
		3	Bé giữ gìn đồ chơi trong lớp	1	Từ 22/9 đến 26/9/2025	
		4	Lễ hội trăng rằm	1	Từ 29/9 đến 03/10/2025	
2	Bản thân (4 tuần)	1	Mừng sinh nhật bé	1	Từ 06/10 đến 10/10/2025	
		2	Dự án: Điều kì diệu của cơ thể bé	1	Từ 13/10 đến 17/10/2025	
		3	An toàn cho bé	1	Từ 20/10 đến 24/10/2025	
		4	Bé đã lớn và khỏe mạnh	1	Từ 27/10 đến 31/10/2025	
3	Gia đình bé yêu (5 tuần)	1	Dự án: Bé và những người thân yêu	2	Từ 03/11 đến 14/11/2025	
		2	Chào mừng ngày 20/11	1	Từ 17/11 đến 21/11/2025	(Nghỉ lễ 20/11)
		3	Đồ dùng thông minh	1	Từ 24/11 đến 28/11/2025	
		4	Ngôi nhà thân yêu	1	Từ 01/12 đến 05/12/2025	

TT	Chủ đề	Nhánh chủ đề		Số tuần	Thời gian thực hiện	Ghi chú về sự điều chỉnh
4	Nghề nghiệp (4 tuần)	1	Kĩ sư xây dựng	1	Từ 08/12 đến 12/12/2025	
		2	Bác sĩ mền yêu	1	Từ 15/12 đến 19/12/2025	
		3	Bé đón Noel	1	Từ 22/12 đến 26/12/2025	
		4	Chăm sóc sắc đẹp	1	Từ 29/12 đến 02/01/2026	(Nghỉ tết dương lịch)
	Động vật quanh bé (4)	1	Bí ẩn trong lòng Đại dương	1	Từ 05/01 đến 09/01/2026	
	Học kì 2: 17 tuần (Từ 12/01/2026 đến 22/5/2026)					
		2	<i>Dự án: Thú cưng trong gia đình bé</i>	2	Từ 12/01 đến 23/01/2026	
		3	Ngày hội rừng xanh	1	Từ 26/01 đến 30/01/2026	
5	Thực vật + Tết – Mùa xuân (6 tuần)	1	Những chiếc lá kì diệu	1	Từ 02/02 đến 06/02/2026	
		2	Ngày tết quê em	1	Từ 09/02 đến 13/02/2026	
		3	Lễ hội mùa xuân	1	Từ 23/02 đến 27/02/2026	
		4	Sắc màu hoa tươi	1	Từ 02/3 đến 06/3/2026	
			Lễ hội trái cây	1	Từ 09/3 đến 13/3/2026	
		5	Khu vườn bí ẩn	1	Từ 16/3 đến 20/3/2026	

TT	Chủ đề	Nhánh chủ đề		Số tuần	Thời gian thực hiện	Ghi chú về sự điều chỉnh
7	Giao thông (3 tuần)	1	<i>Dự án: Ô tô tải</i>	2	Từ 23/3 đến 03/4/2026	
		2	Con thuyền ước mơ	1	Từ 06/ đến 10/4/2026	
8	Nước và HTTN (3 tuần)	1	Nước, ích lợi của nước	1	Từ 13/4 đến 17/4/2026	
		2	Hiện tượng tự nhiên	1	Từ 20/4 đến 29/04/2026	Nghỉ lễ 10/3 và 30/4+1/5
		3	Bé yêu môi trường	1	Từ 04/5 đến 08/5/2026	
9	Hải Phòng trong mắt em (2 tuần)	1	Lễ hội Hoa phượng đỏ	1	Từ 11/5 đến 15/5/2026	
		2	Bác Hồ và thiếu nhi	1	Từ 18/5 đến 22/5/2026	

III. DỰ KIẾN HOẠT ĐỘNG HỌC

Tên chủ đề	Nhánh	Lĩnh vực phát triển								Tổng
		Thể chất	Nhận thức		Ngôn ngữ		Thẩm mỹ		TC&KNXH	
			Khám phá	Toán	Thơ, đồng dao	Truyện	Tạo hình	Âm nhạc		
1. Trường mầm non+ Tết trung thu	Lớp học vui vẻ	Bật tại chỗ		NB hình vuông, hình chữ nhật	Thơ: Bạn mới		Tô màu đồ chơi	Dạy kĩ năng ca hát: Cháu đi mẫu giáo		
	Các bạn của bé	Tung bóng lên cao		Đếm, nhận biết số lượng 1, 2		Nghe hiểu truyện: Mèo hoa đi học	Nặn quả	Dạy kĩ năng VDMH bài: Vui đến trường		5
	ĐC trong lớp	Bò chui qua cổng	ĐC trong lớp			Nghe hiểu truyện: "Đôi bạn tốt"		Dạy kĩ năng ca hát "Đêm trung thu"	Biết chờ đến lượt, tuân thủ nội quy lớp	5
	Vui hội trăng rằm	Đi trong đường hẹp	ĐC trung thu (Tìm hiểu đèn lồng)		Thơ:"Quà trung thu"		Làm đèn lồng	Rèn KNAN		5
	Tổng số HĐH	4	2	2	2	2	3	4	1	20
	Sinh nhật của bé	Lăn bóng với cô	5E: Tìm hiểu đôi bàn tay của bé	Đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 3		Nghe hiểu truyện:Tay phải, tay trái	EDP: Làm vòng đeo tay			5

Tên chủ đề	Nhánh	Lĩnh vực phát triển								Tổng
		Thể chất	Nhận thức		Ngôn ngữ		Thẩm mỹ		TC&KNXH	
			Khám phá	Toán	Thơ, đồng dao	Truyện	Tạo hình	Âm nhạc		
2. Bản thân	<i>Dự án: Điều kì diệu của cơ thể bé</i>	Đi theo đường đích đặc	Tên tuổi, giới tính của bản thân		Đồng dao: "Tay đẹp"		Tô màu áo	Dạy kĩ năng ca hát bài: Em có lời ca		5
	Tôi cần gì để lớn	Bò trong đường hẹp		NB Phía trên - phía dưới, phía trước – sau	Thơ: Đôi mắt		Dán trang phục		Nhận biết và gọi tên các cảm xúc cơ bản: vui, buồn, tức giận, lo lắng, sợ hãi, tự hào	5
	An toàn cho bé	Ném xa bằng 1 tay	Vùng riêng tư của bé			Truyện: Đừng tùy tiện mở cửa		Dạy kĩ năng VDMH bài: Tay thơm, tay ngoan	Bé bảo vệ bản thân (QTE)	5
	Tổng số HDH	4	3	2	2	2	3	2	2	20
	<i>Dự án: Bé và những người thân yêu</i>	Bật xa	5E: Tìm hiểu khung ảnh gia đình		Thơ:Thăm nhà bà		Vẽ đường đi	Dạy kĩ năng ca hát bài: Cả nhà thương nhau		5
		Bò theo đường zic zắc		Nhận biết hình tròn, hình tam giác		Truyện: Rùa con tìm nhà	EDP: Làm khung ảnh gia đình	Dạy kĩ năng VDMH bài: Múa cho mẹ xem		5

Tên chủ đề	Nhánh	Lĩnh vực phát triển								Tổng
		Thể chất	Nhận thức		Ngôn ngữ		Thẩm mỹ		TC&KNXH	
			Khám phá	Toán	Thơ, đồng dao	Truyện	Tạo hình	Âm nhạc		
	Ngày 20/11	Tung bóng với cô		So sánh số lượng 2 nhóm trong phạm vi 3	Thơ: Dán hoa tặng mẹ		In hoa bằng củ, quả			4
	Những đồ dùng đáng yêu	Chạy 15m	Tìm hiểu nồi cơm điện		Thơ: Đồng hồ quả lắc		Nặn đôi đũa	Dạy VĐVD bài: cả nhà thương nhau		5
	Bé và ngôi nhà thân yêu	Bước lên xuống bậc cao 30cm		Ghép đôi 2 đối tượng		Kể lại truyện: Rùa con tìm nhà		Rèn kĩ năng âm nhạc	nhận biết hành vi đúng sai khi sinh hoạt giữ vệ sinh trong gia đình	5
	Tổng số HĐH	5	2	3	3	2	4	4	1	24
4.	Bé yêu bác sĩ	Chạy theo đường zíc zắc	Công việc của bác sĩ	NB một và nhiều	Thơ: Làm bác sĩ			Dạy kĩ năng ca hát bài: Cháu yêu cô chú công nhân		5
	Chú công nhân xây dựng	Trườn theo hướng thẳng	Công việc của chú thợ xây		Thơ: Em làm thợ xây		Tô màu: Dụng cụ thợ xây		bé tập làm lao công	5

Tên chủ đề	Nhánh	Lĩnh vực phát triển								Tổng
		Thể chất	Nhận thức		Ngôn ngữ		Thẩm mỹ		TC&KNXH	
			Khám phá	Toán	Thơ, đồng dao	Truyện	Tạo hình	Âm nhạc		
Nghe nghiệp Ngày 22/12	Bé đón Noel	Ném xa bằng 2 tay		Gộp, tách hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 3		truyện: Thỏ con thông minh	Làm "cây thông noel"	Dạy kỹ năng VĐMH bài: Làm chú bộ đội		5
	Chăm sóc sắc đẹp	Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát				Truyện : Sắc đẹp của rừng xanh	Dán tóc	Dạy kỹ năng VĐVD theo nhịp bài: Cháu yêu cô chú công nhân		4
	Tổng số	4	2	2	2	2	3	3	1	19
5. Động vật quanh bé	Dự án "Con vật bé yêu"	Đập bắt bóng	5E: Sự phát triển của con gà			Nghe hiểu truyện: Chú vịt xám		Dạy kỹ năng ca hát: Đàn gà con		5
		Ném trúng đích nằm ngang		Đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 4	Thơ: Đàn gà con		EDP: Làm con gà	Dạy kỹ năng VĐVD theo nhịp bài: Đàn gà con		5
	Bí ẩn đại dương	Bật tiến về phía trước	Tìm hiểu: Con bạch tuộc	So sánh dài hơn- ngắn hơn		Tập kể chuyện theo tranh truyện: Chú vịt xá	Nặn con cá		Cảm xúc của bé	5
	Ngày hội rừng xanh	Bò thấp lăn bóng vào gôn	Tìm hiểu con khi		Đồng dao: Con voi		Vẽ các đốm màu	Dạy kỹ năng VĐMH bài đàn gà con		5

Tên chủ đề	Nhánh	Lĩnh vực phát triển								Tổng
		Thể chất	Nhận thức		Ngôn ngữ		Thẩm mỹ		TC&KNXH	
			Khám phá	Toán	Thơ, đồng dao	Truyện	Tạo hình	Âm nhạc		
	Tổng số HĐH	4	3	2	2	2	3	3	1	20
6. Thực vật- Tết mùa xuân	Bé và những chiếc lá	Lăn bóng vào gôn	Tìm hiểu lá cây	Xếp xen kẽ	Thơ:Cây dây leo		Dán tranh từ lá cây			5
	Ngày tết nguyên đán	Bật qua dây	Ngày tết nguyên đán		Thơ: Cây đào		Vẽ Bánh chưng		Bé vui đón tết	5
	Lễ hội mùa xuân	Ném trứng đích năm ngang		So sánh cao hơn- thấp hơn		Truyện : Chú đỗ con	In cây bằng bông tăm"	Dạy kĩ năng VĐVD theo phách:Sắp đến tết rồi		5
	Sắc màu hoa tươi	Trườn qua công	Tìm hiểu hoa cúc hoa hồng	So sánh số lượng 2 nhóm trong phạm vi 4	Thơ: Hồ sen			Dạy kĩ năng VĐMH: Hoa mào gà		5
	Trái cây bé thích		Sự phát triển của cây từ hạt	Gộp, tách hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 4		Truyện:Hoa mào gà	Nặn quả	Dạy kĩ năng ca hát bài: Quả		5
	Khu vườn của bé	Chuyền bóng theo hàng ngang	Tìm hiểu rau bắp cải, cà chua			Kể lại truyện: Khi con ăn chuối		Rèn kĩ năng âm nhạc	Giao tiếp lịch sự: chào hỏi, cảm ơn,	5
	Tổng số HĐH	5	5	4	3	3	4	4	2	30

Tên chủ đề	Nhánh	Lĩnh vực phát triển								Tổng
		Thể chất	Nhận thức		Ngôn ngữ		Thẩm mỹ		TC&KNXH	
			Khám phá	Toán	Thơ, đồng dao	Truyện	Tạo hình	Âm nhạc		
7. Giao thông	Dự án: Ô tô tải	Bước lên xuống bục	5E: Tìm hiểu ô tô tải			Truyện: Xe lu và xe ca		Dạy kỹ năng ca hát bài: Em qua ngã tư đường phố	An toàn khi đi xe máy	5
		Nhảy qua dây, ném trúng đích nằm ngang		NB tay phải-tay trái	Thơ: Xe chữa cháy		EDP: Làm ô tô	VĐMH bài: Em tập lái ô tô		5
	PTGT đường thủy	Đập bắt bóng	Tìm hiểu: Thuyền buồm	Đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 5		Tập đồng vai truyện: Xe lu và xe ca	Gấp thuyền			5
	Tổng số HDH	3	2	2	1	2	2	2	1	15
8.Nước - HTTN	Nước, ích lợi của nước	Chuyền bóng theo hàng dọc	Tìm hiểu một số nguồn nước	So sánh số lượng 2 nhóm trong phạm vi 5	Thơ: Cầu vồng			Dạy kỹ năng ca hát bài: Mùa hè đến		5
	Bé yêu môi trường	Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát	Tìm hiểu sự ô nhiễm từ rác thải			Truyện : Chuyện của thỏ con	Nặn cầu vồng	Dạy kỹ năng VĐMH: Cháu vẽ ông mặt trời		5
	Một số hiện tượng				Thơ: Đi nắng			Dạy kỹ năng VĐ bộ gõ cơ thể bài: Mùa hè đến		2

Tên chủ đề	Nhánh	Lĩnh vực phát triển								Tổng
		Thể chất	Nhận thức		Ngôn ngữ		Thẩm mỹ		TC&KNXH	
			Khám phá	Toán	Thơ, đồng dao	Truyện	Tạo hình	Âm nhạc		
	tự nhiên	Chạy chậm 60-80m, bật tiến về phía trước	Tìm hiểu về nắng - mưa			Truyện: Bác gấu đen và hai chú thỏ	Vẽ mưa		chơi hòa thuận với bạn	5
	Tổng số	3	3	1	2	2	2	3	1	17
9. QH-Bác Hồ- 1/6	Quê hương	Bật xa- ném đích ngang	Tìm hiểu cờ Tổ quốc Việt Nam		Thơ: Ngôi nhà		EDP: Làm lá cờ tổ quốc	Dạy kĩ năng ca hát bài: Em mơ gặp Bác Hồ.		5
	Bác Hồ với thiếu nhi	Bò theo hướng thẳng tung bắt bóng với cô		Gộp, tách hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 5		Nghe hiểu truyện:Khen các cháu		Dạy kĩ năng VĐ bộ gõ cơ thể bài: Em mơ gặp Bác Hồ	Bác Hồ Kính yêu	5
	Tổng số HDH	2	1	1	1	1	1	2	1	10
Tổng cộng HDH cả		34	23	19	18	18	25	27	11	175
MT cốt lõi		26	17	17	18	18	22	21	7	140

Người duyệt kế hoạch

Người xây dựng kế hoạch

|

